

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Vận tải Xăng dầu Đường Thủy Petrolimex

Ngày 30/09/2025	9,490 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	2.6%	-4.7%	-4.2%

DT thuần Q3/25	191	tỷ VNĐ
QoQ:	▲ 7.00	3.7%
YoY:	▲ 16.0	9.1%

LN thuần Q3/25	3.78	tỷ VNĐ
QoQ:	▼10.7	-73.9%
YoY:	▼4.70	-55.4%

LN sau thuế Q3/25	8.24	tỷ VNĐ
QoQ:	▼0.11	-1.4%
YoY:	▲ 2.47	42.7%

Tỷ suất lãi EBIT Q3/25	5.5%
YoY:	+/-▼ 0.6%

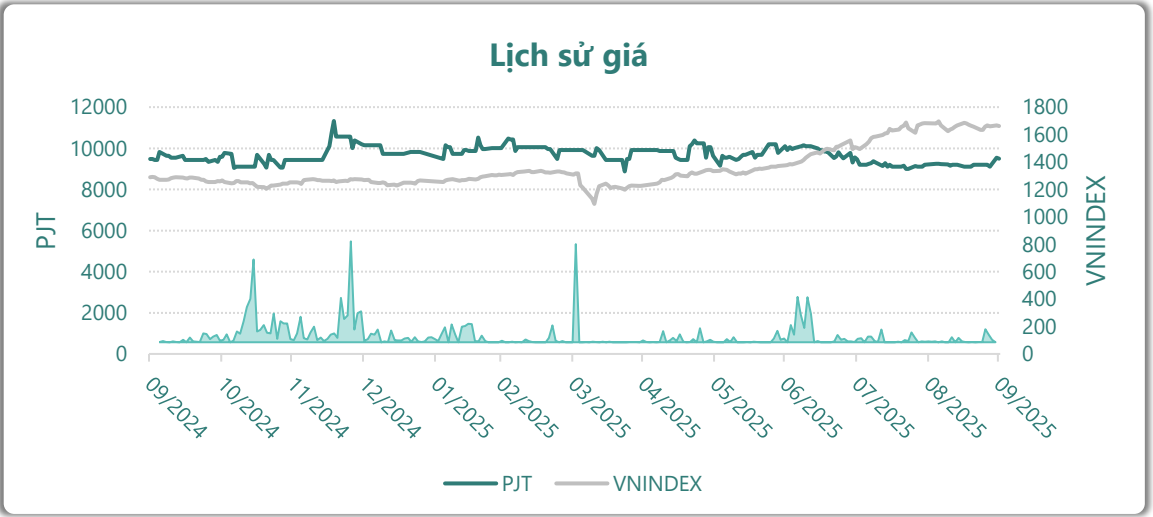
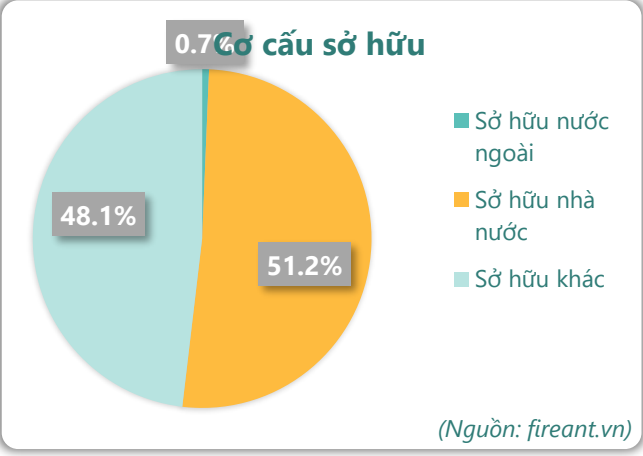
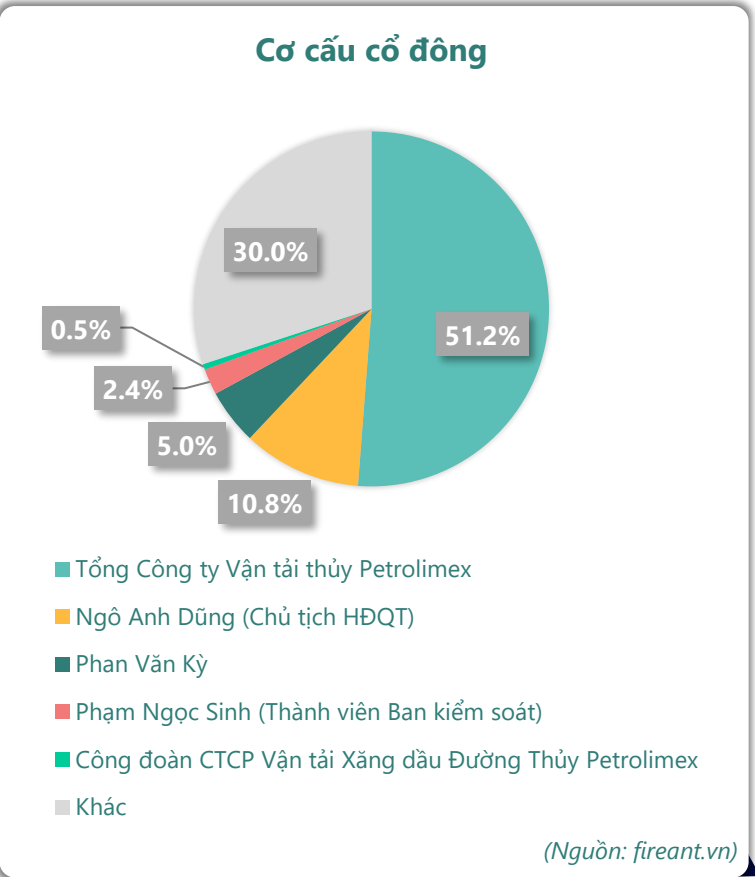
ROE (TTM) Q3/25	4.8%
YoY:	+/-▲ 0.7%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	8,873 - 11,327
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	236
Số lượng CPLH (CP)	24,882,785
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,060
Sở hữu nước ngoài	0.7%
Beta	0.32
EPS	627
P/E	15.1

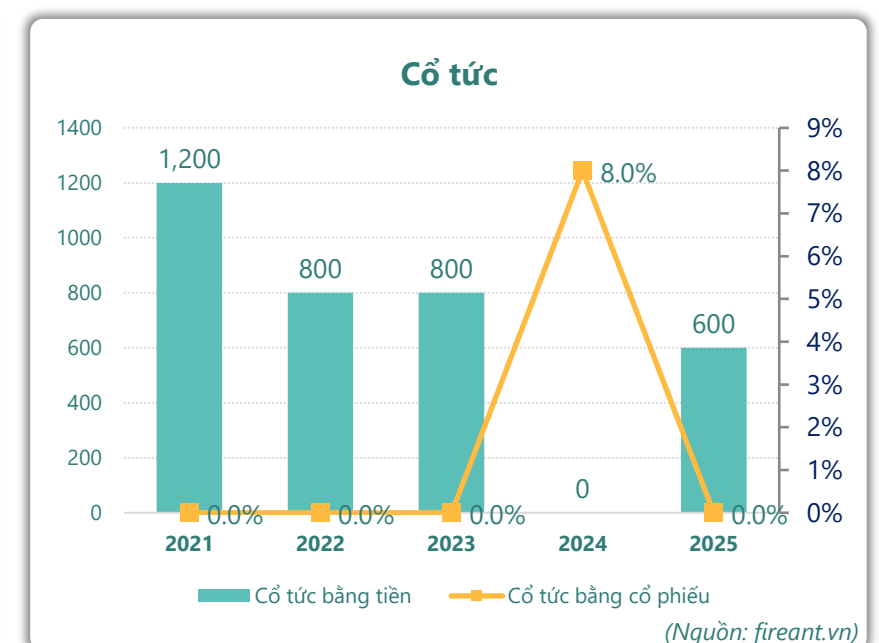
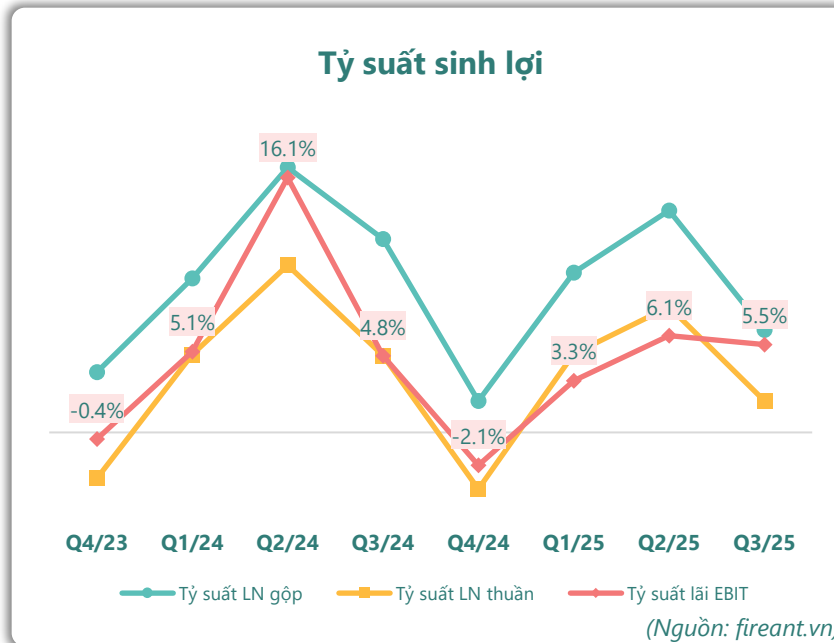
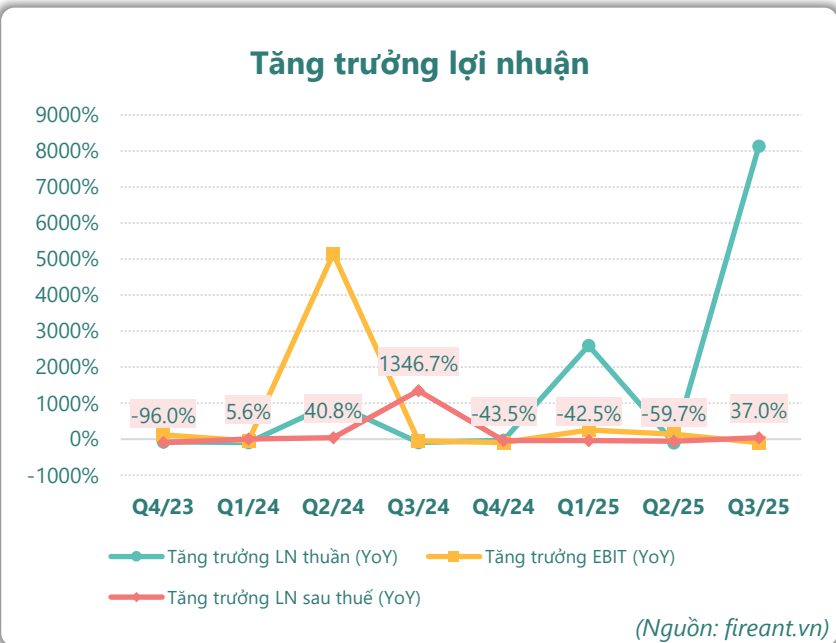
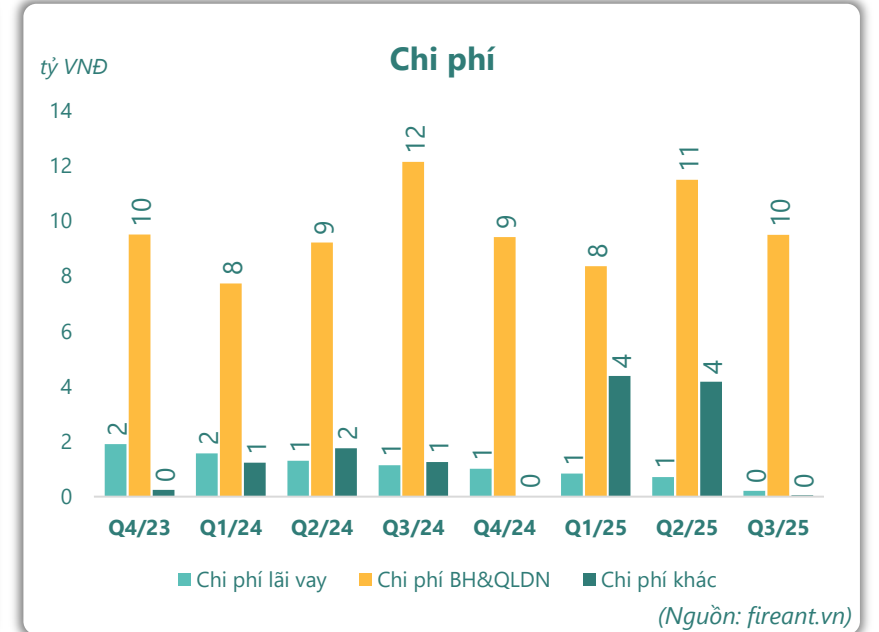
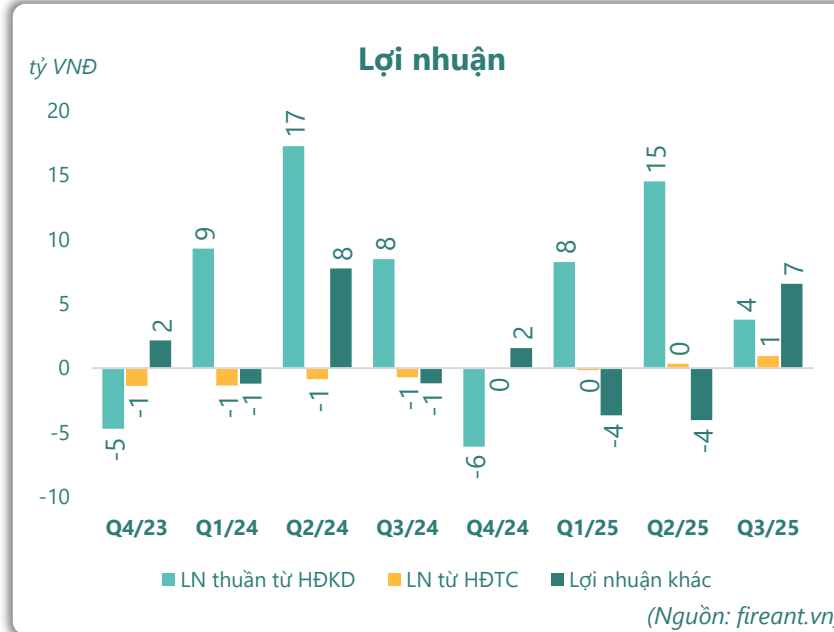
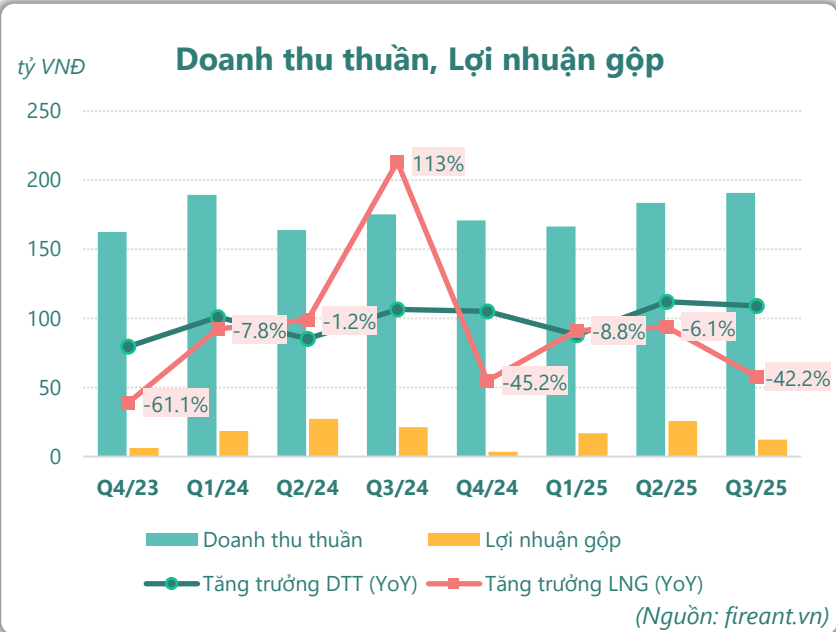
DT thuần 9T 2025	541	tỷ VNĐ
YoY:	▲ 12.0	2.4%

LN thuần 9T 2025	26.6	tỷ VNĐ
YoY:	▼8.40	-24.2%

LN sau thuế 9T 2025	20.2	tỷ VNĐ
YoY:	▼11.8	-36.7%



KẾT QUẢ KINH DOANH

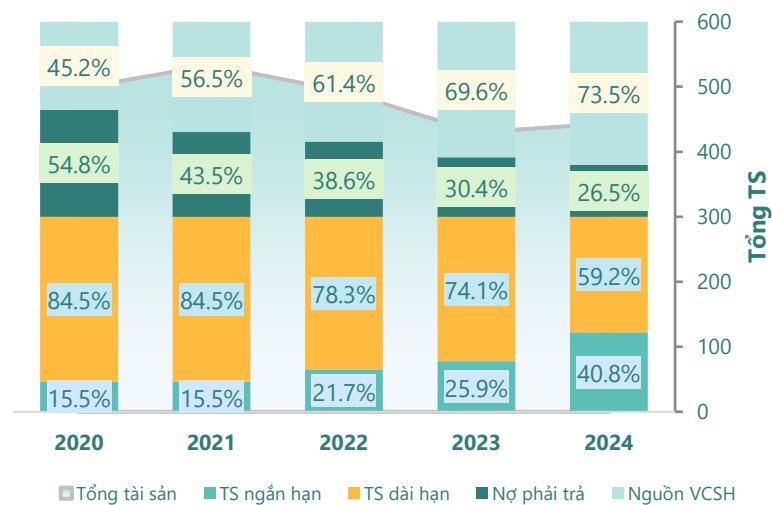




TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

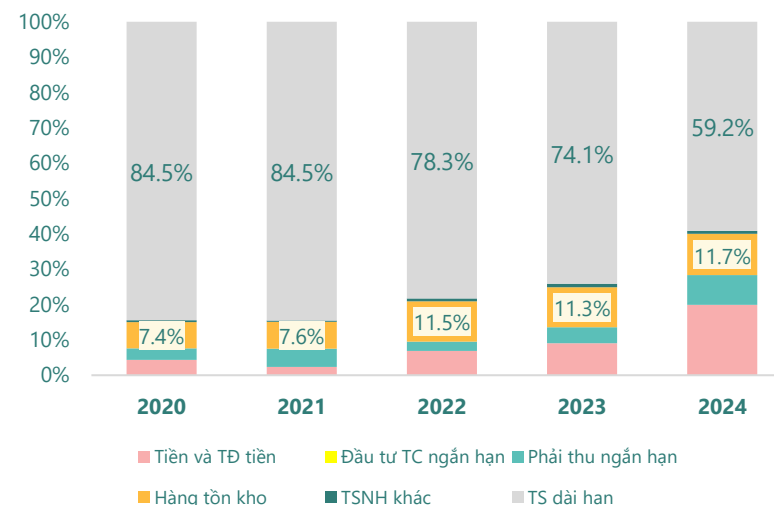
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

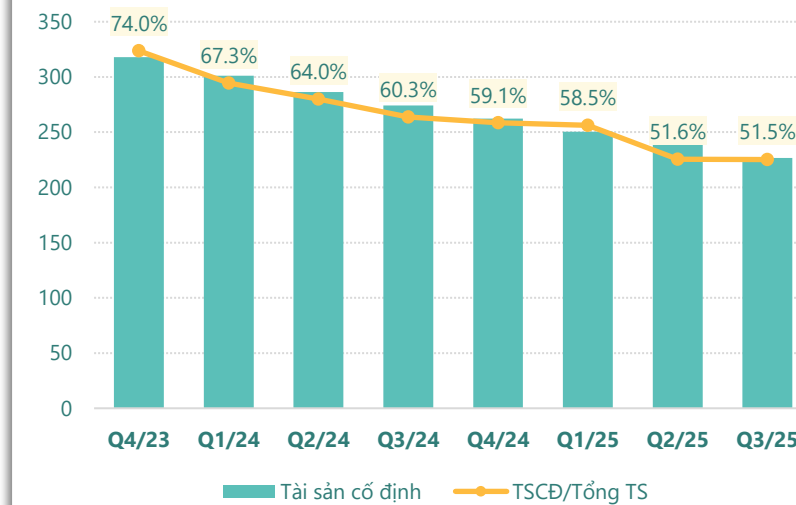
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

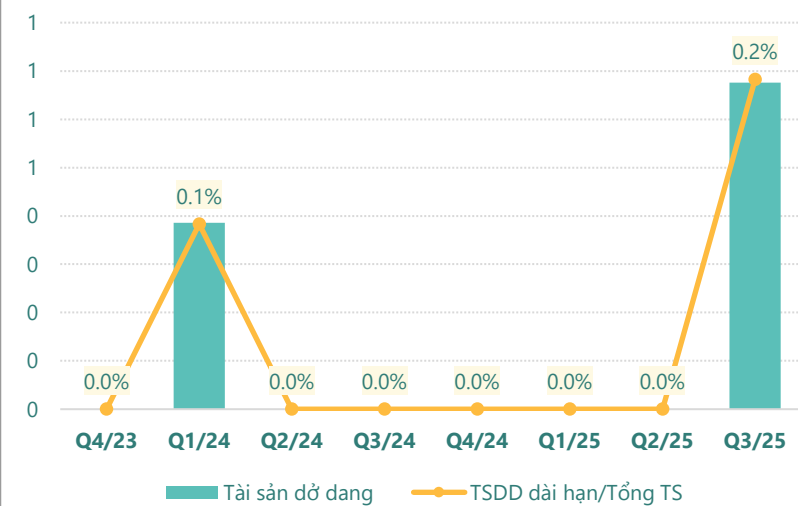
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

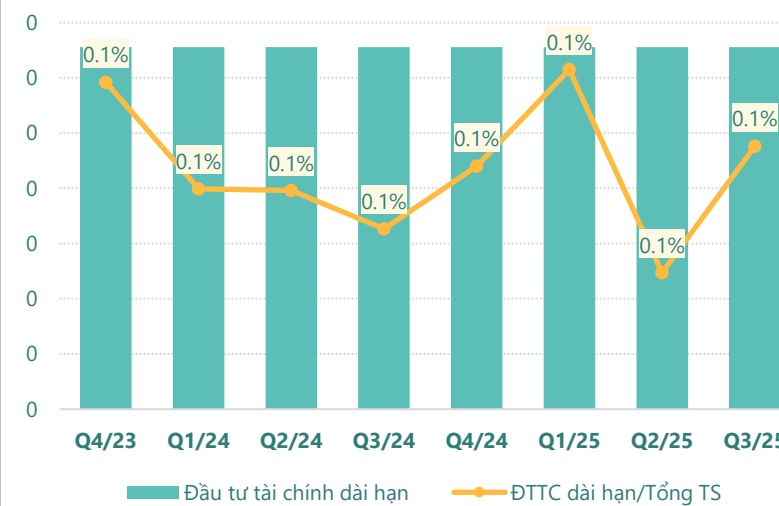
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

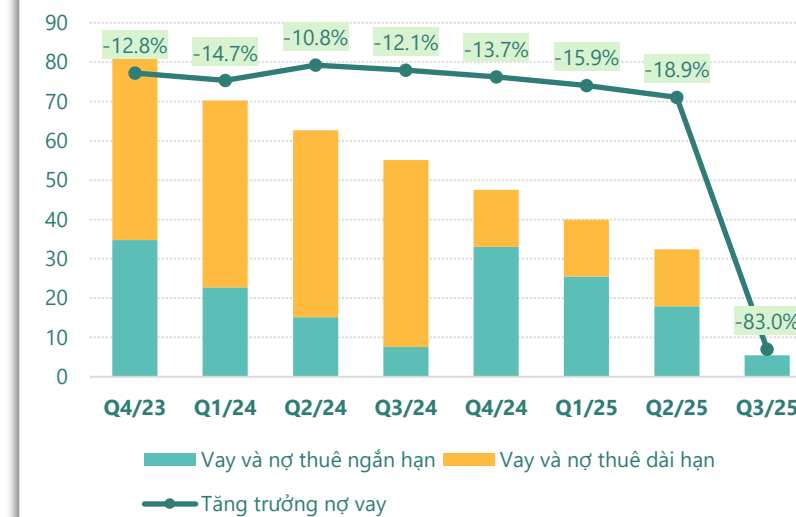
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

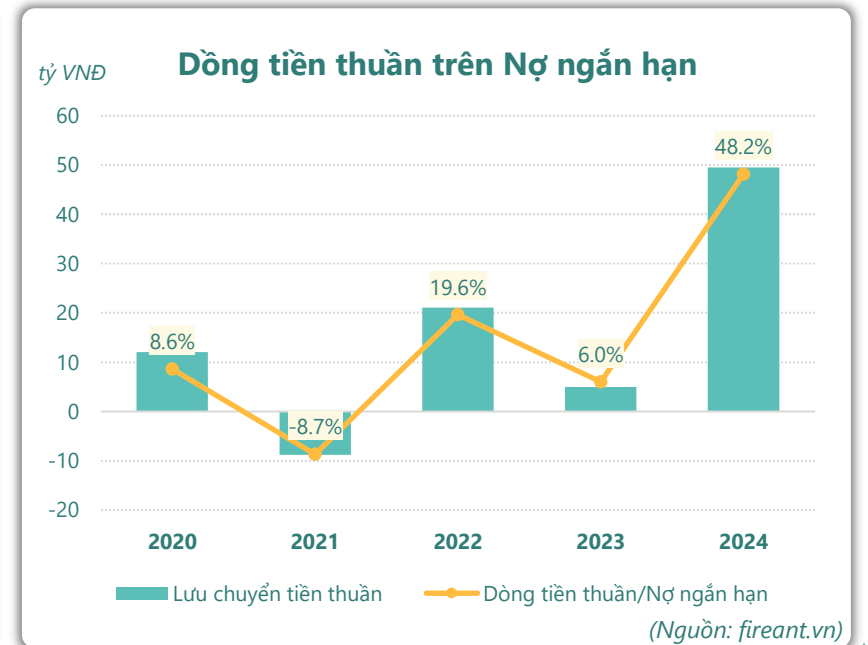
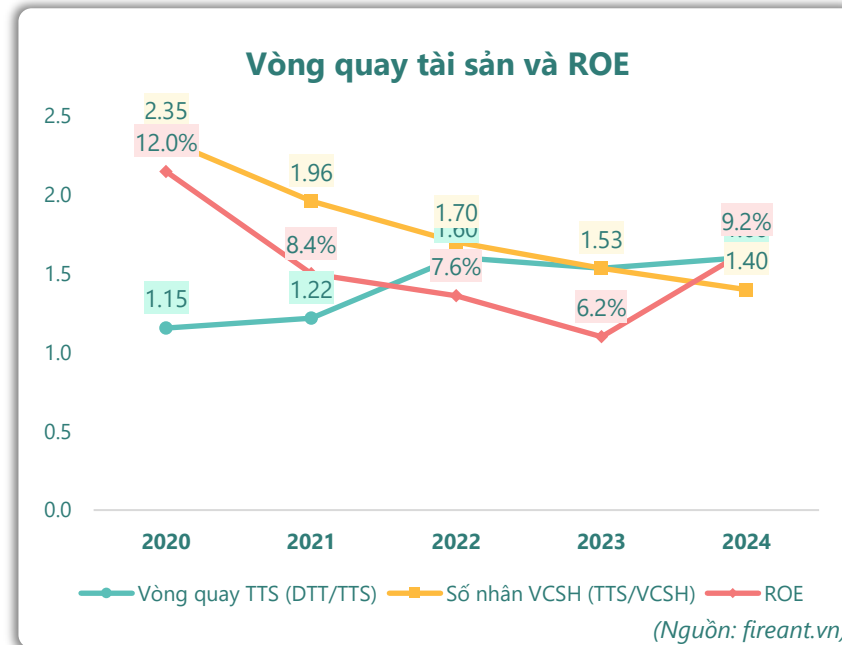
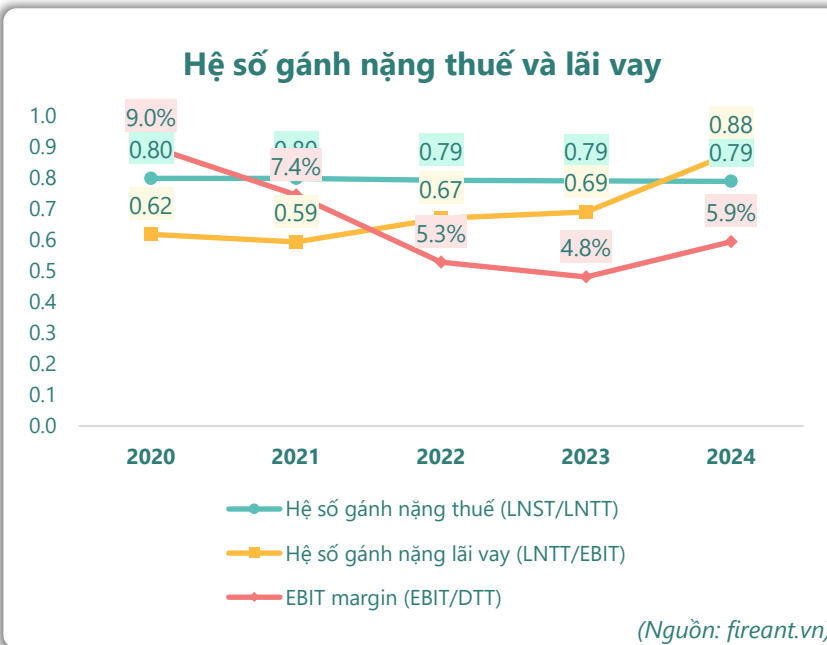
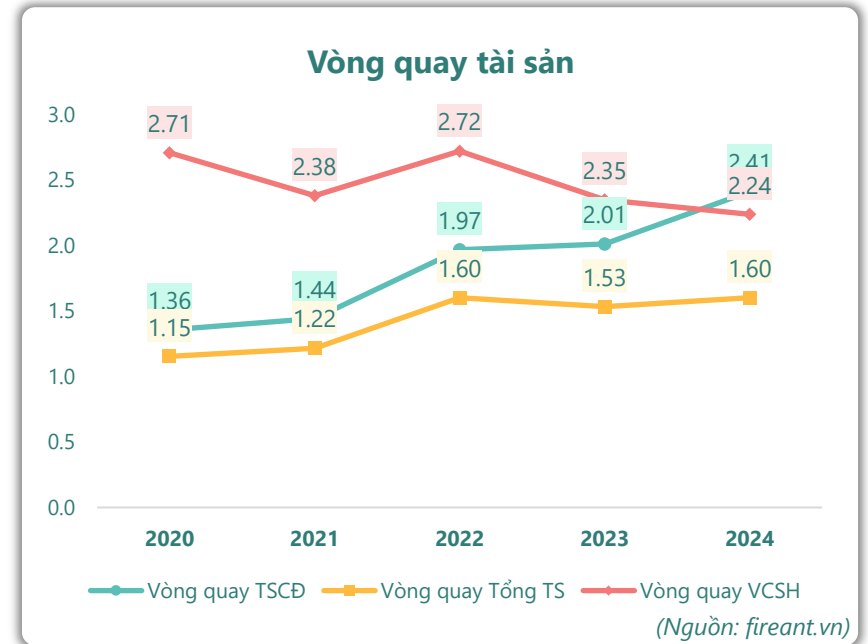
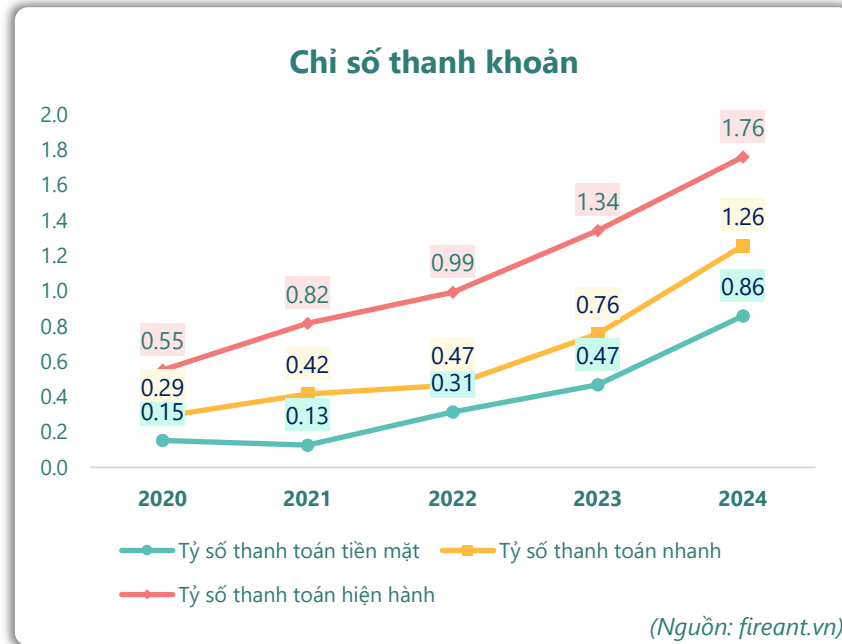
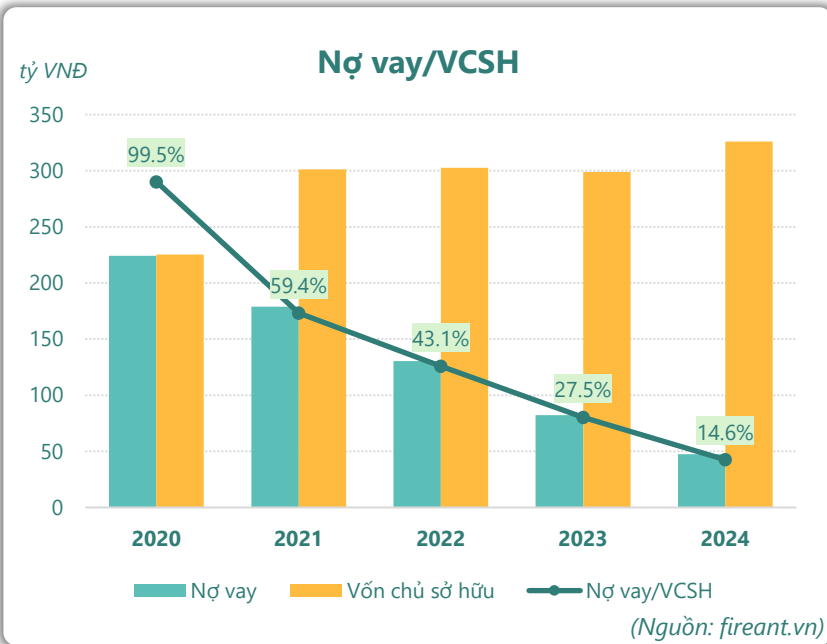
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	191	175	9.1%	541	529	2.4%
Giá vốn hàng bán	178	154	15.9%	486	461	5.4%
Lợi nhuận gộp	12.3	21.3	-42.0%	54.8	67.1	-18.3%
Doanh thu HĐTC	1.15	0.49	134%	2.88	1.14	153%
Chi phí TC	0.21	1.20	-82.7%	1.77	4.08	-56.5%
Chi phí lãi vay	0.21	1.14	-81.8%	1.76	4.02	-56.2%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	9.50	12.2	-22.1%	29.4	29.1	0.8%
LN thuần từ HĐKD	3.78	8.48	-55.4%	26.6	35.0	-24.2%
Lợi nhuận khác	6.56	-1.17	660%	-1.16	5.36	-122%
LN trước thuế	10.3	7.31	41.5%	25.4	40.4	-37.1%
Lợi nhuận sau thuế	8.24	5.77	42.7%	20.2	32.0	-36.7%
LNST của CĐ cty mẹ	8.24	5.77	42.7%	20.2	32.0	-36.7%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	12.7	34.1	-7.90	8.45	48.0	34.1
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	8.76	0.49	0.54	0.72	0.93	0.43
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-7.60	-7.57	-7.57	-7.57	-7.57	-34.0
Tiền đầu kỳ	62.3	76.2	103	88.2	89.9	131
Lưu chuyển tiền thuần	13.9	27.0	-14.9	1.61	41.4	0.46
Ảnh hưởng tỷ giá	0.01	0	-0.01	0.01	0.00	0
Tiền cuối kỳ	76.2	103	88.2	89.9	131	132

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	440	444	-0.8%
Tài sản ngắn hạn	212	181	17.4%
Tiền và tương đương tiền	132	88.2	49.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	20.4	37.4	-45.4%
Hàng tồn kho	60.0	51.7	16.2%
Tài sản ngắn hạn khác	0.18	3.60	-95.1%
Tài sản dài hạn	228	263	-13.3%
Phải thu dài hạn	0.01	0.03	-54.0%
Tài sản cố định	227	262	-13.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.68	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0.33	0.33	0.0%
Tài sản dài hạn khác	0.20	0.07	202%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	113	118	-3.7%
Nợ ngắn hạn	113	103	10.2%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	5.50	33.0	-83.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	40.5	46.6	-13.1%
Nợ dài hạn	0	14.8	-100%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	14.5	-100%
Nguồn vốn chủ sở hữu	327	326	0.3%
Vốn chủ sở hữu	327	326	0.3%
Vốn điều lệ	249	249	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

